

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 04-01-2018

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Mỹ Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Thanh;
2. Bà Lê Thị Thanh Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trương Anh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 195/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2017 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trần Anh T, sinh năm 1979; địa chỉ thường trú: Tổ 1, Ấp 1, xã T, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Nông Thị L, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ 1, Ấp 1, xã T, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 09/11/2017, bản tự khai ngày 04/12/2017 và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn – ông Trần Anh T trình bày:

Ông Trần Anh T và bà Nông Thị L quen biết và tìm hiểu nhau được 02 tháng thì tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Tân Uyên (nay là huyện Bắc Tân Uyên), tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 10, quyển số 01/2011 ngày 08/3/2011. Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc. Đến năm 2013, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã,

không có sự tôn trọng lẫn nhau. Từ tháng 10 năm 2017 đến nay, ông Tú và bà Loan không còn chung sống với nhau.

Nhận thấy, tình cảm của ông T đối với bà L không còn nên ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông T yêu cầu được ly hôn với bà L.
- Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo nội dung bản tự khai ngày 04/12/2017 và bản tự khai (không đề ngày tháng năm), bị đơn – bà Nông Thị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Từ tháng 10 năm 2016, cuộc sống vợ chồng giữa bà L và ông T thường phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do ông T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và thường đi qua đêm. Mặc dù, bà L đã nhiều lần khuyên nhủ để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông T không nghe và cũng không thay đổi. Ngày 28 tháng 10 năm 2017, bà L về nhà mẹ ruột sinh sống và vợ chồng không còn chung sống với nhau từ thời điểm đó đến nay. Tuy nhiên, bà L không đồng ý ly hôn với ông Trần Anh T.

- Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung, nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn - bà Nông Thị L có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L.

[2] Về nội dung vụ án:

[3] - Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Anh T và bà Nông Thị L tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Tân Uyên (nay là huyện Bắc Tân Uyên), tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 10, quyền số 01/2011 ngày 08/3/2011. Do đó, đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Ông T yêu cầu ly hôn với bà L bởi vì vợ chồng không còn chung sống với nhau từ tháng 10 năm 2017 đến nay, hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, không có sự tôn trọng lẫn nhau. Theo Biên bản xác minh ngày 12/12/2017 tại Ban Điều hành ấp 1, xã T (nơi ông T, bà L đang sinh sống) thì ông T và bà L không còn chung sống với nhau từ tháng 10/2017 đến nay. Bản tự khai bà L cũng thừa nhận có mâu thuẫn vợ chồng, hai bên và gia đình nỗ lực hàn gắn nhưng không có kết quả. Xét thấy, quan hệ hôn nhân được xây dựng trên tình nghĩa vợ chồng. Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và chung sống với nhau. Ông T xác định vợ chồng không còn chung sống với nhau, tình cảm vợ chồng không còn, cả hai đều không thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng. Do đó, việc ông T yêu cầu ly hôn với bà L là có căn cứ chấp nhận.

[5] - Về con chung: Không có.

[6] - Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Từ những căn cứ trên, xét thấy lời đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[8] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Trần Anh T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 227, 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 56, 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Anh T về việc ly hôn.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Anh T được ly hôn với bà Nông Thị L.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Trần Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng

đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0016709 ngày 16/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Tân Uyên.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Nếu vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bắc Tân Uyên;
- Chi cục THADS huyện Bắc Tân Uyên;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Mỹ Trúc